

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 09/6/2023

V/v “Ly hôn giữa bà U với
ông D”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Như U**, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Số nhà A, ấp C, xã H, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Trần Thái D**, sinh năm: 1995;

HKTT: ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

Tạm trú: Số nhà A, ấp C, xã H, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Bà U yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2023, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như U trình bày:

Bà và ông D kết hôn với nhau do mai mối, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Ngay từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc do ông bà không có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau trước nên khi sống chung cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, bà và ông D không tìm ra được biện pháp nào cải

thiện mối quan hệ vợ chồng, không ai chịu nhường nhịn ai. Ông bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có một con chung là Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: không có
- Về nợ chung: không có.

Vì lý do công việc bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, cam kết không khiếu nại về sau

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thái D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà U về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Hôn nhân của ông bà là do mai mối. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và cũng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do ông bà không phù hợp trong cách sống, trong suy nghĩ nên thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau. Đến khi sinh con thì mâu thuẫn giữa vợ chồng thường xuyên hơn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nay bà U yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: có một con chung là Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022, ông đồng ý giao con cho bà U được trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do hiện tại ông chưa có khả năng nên sẽ thực hiện việc cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 06/2023.

Về tài sản chung: Khi tổ chức lễ hỏi, bên gia đình ông có đem đến sính lễ là 1,9 lượng vàng 24k, gồm: 01 lắc tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng; 01 sợi dây chuyền 24k trọng lượng 03 chỉ; 01 kiềng vàng 24k trọng lượng 03 chỉ; 01 đôi bông 24k và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18k trọng lượng bao nhiêu ông không nhớ, nhẫn cưới ông còn đang giữ 01 chiếc. Vàng đám hỏi do mẹ vợ ông giữ. Khi đám cưới gia đình ông không cho sính lễ nữa. Hiện tại ngoài hình đám hỏi ra thì ông không có giấy tờ hay chứng cứ gì để chứng minh cho số vàng này. Trong thời gian sống chung, ông bà có mua được 01 xe gắn máy trị giá 12.000.000 đồng, hiện tại xe máy Uyên đang giữ. Ông yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản chung.

Về nợ chung: có nợ số tiền 10.000.000 đồng, là tiền công làm của em họ ông, ông sẽ cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như U

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Như U được ly hôn với ông Trần Thái D

- Về con chung: sau khi ly hôn, bà U được nuôi dưỡng con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022, ghi nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết, ông D có quyền yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: không xem xét giải quyết trong vụ án.

- Án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như U khởi kiện bị đơn ông Trần Thái D, quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Như U và ông Trần Thái D là tranh chấp về ly hôn; ông D có địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như U có Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Thái D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Như U và ông Trần Thái D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà U và ông D tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2020 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà U và ông D đều thống nhất sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, suy nghĩ. Dù đã cố gắng nhưng ông bà vẫn không hàn gắn được. Ông bà đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay ông D cũng đồng ý ly hôn với bà U. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà U và ông D

[2.2] Về con chung: bà U và ông D có 01 con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022. Bà U yêu cầu sau khi ly hôn, con chung do bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cũng đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của bà U. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi theo yêu cầu của bà U nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: ông D có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp Đơn khởi kiện theo Thông báo của Tòa án nên không được Hội đồng xét xử xem xét

giải quyết. Trường hợp có tranh chấp tài sản chung, bà U và ông D được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: bà U khai không có nợ chung, ông D khai có nợ chung nhưng không cung cấp thông tin chủ nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí : căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ; Ông D phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Như U và ông Trần Thái D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 28/02/2022 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án. Bà U và ông D được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002590 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông D phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương